

Bản án số: 12/2024/HNGĐ - PT

Ngày: 21-8-2024

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tôn**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Việt Cường**

Ông **Nguyễn Tấn Long.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đoàn Thị Thu Hiền**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* ông **Trần Việt Tuấn**, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 12/2024/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 30/2024/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1545/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Hồng L**, địa chỉ: 7 T, cư xá B, phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: 94 Nguyễn Hữu T, T, T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Trung H**, Luật sư **Công Ty L2**; địa chỉ: I N, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Mai Văn Đ**, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Mai Văn T1**, sinh năm 1969; địa chỉ: 11192 B, CA 92841 Unitted S. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng L trình bày:

Sau thời gian quen biết, tìm hiểu, C và anh Mai Văn Đ quyết định kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 17/03/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không cùng quan điểm sống và cách sinh hoạt, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Anh Đ là người sống thiếu trách nhiệm với vợ con, thường xuyên bạo hành đánh đập Chị và con riêng của Chị. Do đó, Chị luôn sống trong trạng thái lo lắng, khủng hoảng về tinh thần. Do không thể chịu đựng được, chị đã dọn ra khỏi nhà và sống ly thân từ ngày 17/6/2021 cho đến nay. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng hàn gắn, cùng nhau nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng không thành, tình trạng ngày càng trầm trọng hơn, nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên C đề nghị Tòa án cho Chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là cháu Mai Lê Phương L1 (sinh ngày 05/02/2021). Nếu ly hôn, Chị xin được trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu L1 vì hiện nay Chị đang làm việc tại Salon tóc A tại thành phố Hồ Chí Minh, có thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng cháu L1 và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Đối với yêu cầu của ông Mai Văn T1 thì chị không đồng ý, bởi vì đây là số tiền nợ riêng của anh Đ, C không biết và không sử dụng số tiền trên, ông Đ cũng không sử dụng số tiền trên vào các khoản chi tiêu của gia đình.

Tại bản tự khai và lời khai tại phiên tòa bị đơn anh Mai Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân Anh đồng ý như phần trình bày của chị L. Trong thời kỳ hôn nhân giữa A và chị L có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, khoảng tháng 6/2021 chị L bỏ nhà đi đến nay. Do tình cảm vợ chồng đã hết nên anh Đ đồng ý yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung là cháu Mai Lê Phương L1 (sinh ngày 05/02/2021). Do mâu thuẫn vợ chồng, chị L bỏ nhà đi khi cháu L1 chỉ mới được 03 tháng tuổi. Cháu L1 ở với Anh và được anh chăm sóc nuôi dưỡng từ khi chị L bỏ đi đến nay. Cháu L1 hiện đang được đi học nhà trẻ tại trường mầm non xã P, huyện P. Cháu L1 được anh Đ chăm sóc phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần. Hiện nay anh Đ đang làm nghề lái xe ô tô dịch vụ và mở cửa hàng sửa chữa mua bán điện thoại di động (Hộ Kinh doanh Đính Iphone được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh) tại Thôn K, xã P, huyện P. Thu nhập ổn định mỗi tháng 15.000.000 đồng. Ngoài ra, C1 của anh Đ là ông T1 hiện đang ở Hoa Kỳ có hỗ trợ cho anh Đ và cháu L1 8.000.000 đồng/tháng để chi tiêu, sinh hoạt. Do đó, mức thu nhập của anh Đ ổn định đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu L1 nên Anh đề nghị Tòa án giao cháu L1 cho Anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị **Lê Thị Hồng L** và Anh có vay của ông **Mai Văn T1** (cha ruột của anh **Đ**) số tiền 100.000.000 đồng theo Giấy cho vay tiền ngày 15/3/2021. Đây là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của ông **Mai Văn T1** buộc chị **L** và anh **Đ** có trách nhiệm trả số tiền trên cho ông **Mai Văn T1**.

Tại bản tự khai, đơn trình bày, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn T1 trình bày:

Ngày 15/3/2021, Ông có cho vợ chồng anh **Mai Văn Đ** và chị **Lê Thị Hồng L** vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay tiền là để chị **L** mở tiệm làm tóc tại thành phố Hồ Chí Minh. Do tin tưởng, nên Ông chỉ nói làm giấy vay tiền ai ký cũng được vì nghĩ là con cái trong gia đình nên tin tưởng. Đến nay, anh **Đ** chị **L** ly hôn nên ông **T1** yêu cầu Tòa án buộc chị **L** và anh **Đ** phải trả số tiền 100.000.000 đồng đã vay của Ông theo Giấy cho vay tiền ngày 15/3/2021. Ông không yêu cầu anh **Đ** và chị **L** phải trả lãi đối với khoản vay trên. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị **L**, Ông đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận. Đối với cháu **Mai Lê Phương L1**, sinh ngày 05/02/2021 là cháu nội của Ông, do cháu **L1** đã ở với anh **Đ** từ khi cháu 03 tháng tuổi đến nay là hơn 03 tuổi nên Ông đề nghị Tòa án giao cháu **L1** cho anh **Đ** tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu khi trưởng thành. Hiện Ông đang định cư ở Hoa Kỳ, mỗi tháng Ông gửi tiền hỗ trợ chu cấp thêm cho anh **Đ** để nuôi cháu **L1** khoảng 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu độc lập, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng anh **Đ** đã có hành vi bạo hành gia đình dẫn đến chị **L** phải bỏ nhà đi mà không kịp đưa con đi cùng; mặt khác cháu **L1** là con gái cần sự chăm sóc của người mẹ, nên đề nghị giao cháu **L1** cho chị **L** trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 30/2024/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định:

Căn cứ Điều 228, Điều 470, Điều 474, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu nộp lệ phí, án phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 khoản 2 Điều 123, Điều 129 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự.

Áp dụng án lệ số 54/2022/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 07/9/2022.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị Hồng L** được ly hôn với anh **Mai Văn Đ**.
2. Về con chung: Giao cháu **Mai Lê Phương L1**, sinh ngày 05/02/2021 cho anh **Mai Văn Đ** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của anh **Đ** về việc chị **Lê Thị Hồng L** không phải cấp dưỡng nuôi cháu **L1**.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị **L** và anh **Đ** không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ: Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông **Mai Văn T1** buộc anh **Mai Văn Đ** phải trả cho ông **Mai Văn T1** số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của ông **T1** không yêu cầu anh **Đ** phải trả lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/4/2024 nguyên đơn chị **Lê Thị H1** Loankháng cáo xin được nuôi con chung **Mai Lê Phương L1**.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử phúc thẩm; về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có căn cứ và đúng pháp luật, kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo nguyên đơn chị **Lê Thị Hồng L** đã thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của chị **Lê Thị Hồng L** về yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung **Mai Lê Phương L1**, thì thấy: Yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị **L**, anh **Đ** tại phiên tòa là có trách nhiệm của người làm mẹ, làm cha. Việc giao con chung cho người cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải trên cơ sở đảm bảo

quyền lợi về mọi mặt của người con, còn quyền được trực tiếp nuôi con của cha, mẹ là thứ yếu so với quyền lợi của con.

Xét đề đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu **L1** thấy rằng, từ tháng 6 năm 2021, lúc cháu **L1** mới được khoảng 04 tháng tuổi thì chị **L** đã bỏ đi khỏi nhà để lại cháu cho anh **Đ** nuôi dưỡng cho đến nay đã hơn 03 năm. Hiện tại cháu **L1** phát triển bình thường, quen với điều kiện, môi trường sống, được anh **Đ** nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo trong điều kiện tốt nhất và cũng đã ổn định sống với anh **Đ**. Như vậy, việc Tòa án sơ thẩm giao cháu **L1** cho anh **Đ** tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở, đúng với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, chị **L** kháng cáo nhưng không có tình tiết gì mới. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của chị **L**.

[3] Chị **Lê Thị Hồng L** phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị **Lê Thị Hồng L**.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 30/2024/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về con chung: Giao con chung tên **Mai Lê Phương L1** - sinh ngày: 05/02/2021 cho anh **Mai Văn Đ** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị **Lê Thị Hồng L** không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị **Lê Thị Hồng L** và anh **Mai Văn Đ** có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí: Chị **Lê Thị Hồng L** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000174 ngày 16/5/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế; chị **L** đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 30/2024/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

Phạm Tôn